

ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN TÂM LÝ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Văn Nam
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
Email: hoangvannam@gmail.com

Tóm tắt: Chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) đang tác động sâu rộng đến giáo dục đại học Việt Nam. Bên cạnh những cơ hội giúp sinh viên tăng tính chủ động, phát triển kỹ năng tự học và tiếp cận tri thức toàn cầu, AI cũng đặt ra nhiều thách thức đối với tâm lý học tập như nguy cơ lệ thuộc vào công cụ thông minh, áp lực thích ứng, giảm khả năng tư duy phản biện và sáng tạo. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, chỉ ra nguyên nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hỗ trợ sinh viên Việt Nam thích ứng tích cực với chuyển đổi số và AI, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững.

Từ khóa: Chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, tâm lý học tập, sinh viên, giáo dục Việt Nam.

THE IMPACT OF DIGITAL TRANSFORMATION AND ARTIFICIAL INTELLIGENCE ON THE LEARNING PSYCHOLOGY OF VIETNAMESE UNIVERSITY STUDENTS TODAY

Hoang Van Nam
Quang Ninh University of Industry
Email: hoangvannam@gmail.com

Abstract: Digital transformation and the strong development of artificial intelligence (AI) are having a profound impact on Vietnamese higher education. In addition to opportunities to help students increase their initiative, develop self-study skills and access global knowledge, AI also poses many challenges to learning psychology such as the risk of dependence on smart tools, pressure to adapt, and reduced ability to think critically and creatively. The article analyzes the theoretical basis, assesses the current situation, points out the causes, and then proposes a number of solutions to support Vietnamese students to actively adapt to digital transformation and AI, contributing to improving the quality of training in the context of integration and sustainable development.

Keywords: Digital transformation, artificial intelligence, learning psychology, students, Vietnamese education.

Nhận bài: 21/08/2025

Phản biện: 19/09/2025

Duyệt đăng: 23/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu, tác động mạnh đến giáo dục đại học. Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo coi chuyển đổi số (CĐS) là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021–2030, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, học trực tuyến và phát triển nền tảng số. Song, sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo (AI) – như LMS, học tập trực tuyến, ChatGPT, Gemini, Copilot... đang thay đổi căn bản phương thức học tập của sinh viên (SV).

CĐS và AI mang lại cơ hội lớn: SV có thể tiếp cận tri thức toàn cầu, tăng tính chủ động, rèn kỹ năng tự học và sáng tạo, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, chúng cũng đặt ra nhiều thách thức tâm lý: nguy cơ lệ thuộc công cụ thông minh, suy giảm tư duy phản biện, giảm động cơ học tập nội tại, và áp lực thích ứng công nghệ. Nghiên cứu gần đây cho thấy tỷ lệ SV gặp stress do học tập trực tuyến và áp lực công nghệ đang gia tăng. Điều này cho thấy vấn đề đã mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Từ đó, bài báo hướng tới mục tiêu: (i) phân tích cơ sở lý luận về tác động của CĐS và AI đến tâm lý học tập của SV đại học; (ii) đánh giá thực trạng tại Việt Nam; (iii) xác định vấn đề và nguyên nhân; (iv) đề xuất giải pháp giúp SV thích ứng tích cực.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp: phân tích – tổng hợp tài liệu (văn bản chính sách, nghiên cứu, dữ liệu thống kê), nghiên cứu định tính để lý giải vấn đề tâm lý học tập, so sánh giữa nhóm ngành và cơ sở đào tạo, cùng nghiên cứu tình huống một số mô hình ứng dụng AI tại trường đại học. Sự kết hợp này giúp đảm bảo tính toàn diện, vừa có cơ sở lý luận, vừa phản ánh thực tiễn khách quan.

2.2. Nội dung nghiên cứu

2.2.1. Cơ sở lý luận về tâm lý học tập trong bối cảnh CĐS và trí tuệ nhân tạo

* Khái niệm và bối cảnh nghiên cứu

Tâm lý học tập là lĩnh vực của tâm lý học giáo

dục, nghiên cứu các hiện tượng, quá trình và cơ chế tâm lý trong hoạt động học tập. Theo Nguyễn Quang Uẩn, “tâm lý học tập phản ánh động cơ, thái độ, niềm tin và khả năng thích ứng của cá nhân trong quá trình tiếp nhận và vận dụng tri thức”. Đối với SV đại học, tâm lý học tập không chỉ liên quan đến việc lĩnh hội kiến thức mà còn gắn với định hướng nghề nghiệp, năng lực thích ứng xã hội và sự phát triển nhân cách.

Trong khi đó, CDS trong giáo dục được hiểu là quá trình ứng dụng toàn diện công nghệ số vào dạy học, quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tại bậc đại học, CDS thể hiện qua việc triển khai hệ thống quản lý học tập (LMS), lớp học trực tuyến, kho học liệu điện tử và các công cụ học tập thích ứng. Đây vừa là cơ hội giúp SV mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, vừa là thách thức khi đòi hỏi năng lực công nghệ và tâm thế học tập mới.

Bối cảnh này đặt SV trước một môi trường học tập đa chiều: tri thức trở nên dễ tiếp cận hơn nhưng đồng thời áp lực đổi mới, thích ứng và duy trì động lực nội tại cũng gia tăng. Điều đó cho thấy việc nghiên cứu mối quan hệ giữa tâm lý học tập và quá trình CDS trong giáo dục đại học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng.

** Trí tuệ nhân tạo và tác động đến tâm lý học tập của sinh viên đại học*

Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục đại học không chỉ là công cụ công nghệ, mà còn là một nhân tố định hình cách SV tiếp nhận, xử lý và vận dụng tri thức. Các hệ thống quản lý học tập (LMS), trợ lý học tập thông minh (ChatGPT, Gemini, Copilot), cùng các phần mềm phân tích dữ liệu đã mở rộng khả năng học tập cá nhân hóa, cho phép SV tiếp cận tài nguyên học thuật đa dạng và giải quyết bài tập nhanh chóng. Tuy nhiên, AI cũng đặt ra một loạt thách thức tâm lý cần được nhận diện.

Trước hết, về động cơ học tập, AI có thể tăng cường sự hứng thú khi người học được hỗ trợ tức thì và học theo nhịp độ cá nhân. Nhưng sự dễ dàng đó cũng tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm động lực nội tại, khi SV có xu hướng “dựa vào” máy móc thay vì nỗ lực tìm tòi, sáng tạo. Về hành vi học tập, AI giúp hình thành thói quen học tập linh hoạt, song cũng có thể dẫn đến sao chép thụ động và lệ thuộc tri thức có sẵn. Về kỹ năng tư duy, AI khuyến khích xử lý thông tin nhanh nhưng lại có thể hạn chế tư duy phản biện nếu SV không được

định hướng sử dụng đúng cách. Đặc biệt, về sức khỏe tinh thần, AI tạo ra áp lực thích nghi, bởi không phải SV nào cũng có kỹ năng số đồng đều, và sự thay đổi liên tục của công nghệ dễ gây căng thẳng, lo âu.

Các lý thuyết tâm lý học hiện đại cho phép lý giải rõ hơn. Thuyết Tự quyết (Deci & Ryan, 1985) nhấn mạnh nhu cầu tự chủ, năng lực và gắn kết; AI có thể thúc đẩy hai yếu tố đầu, nhưng đồng thời làm suy yếu động cơ nếu nhu cầu gắn kết xã hội không được thỏa mãn. Thuyết Học tập xã hội (Bandura, 1986) cho thấy việc “học theo” AI có thể mô hình hóa hành vi học tập, song nguy cơ là SV tái hiện lời giải thay vì sáng tạo giải pháp mới. Báo cáo UNESCO (2023) và OECD (2022) đều khẳng định tính hai mặt này: AI tạo điều kiện cho học tập cá nhân hóa, nhưng cũng gây áp lực tâm lý và làm mờ ranh giới giữa hỗ trợ và thay thế tư duy.

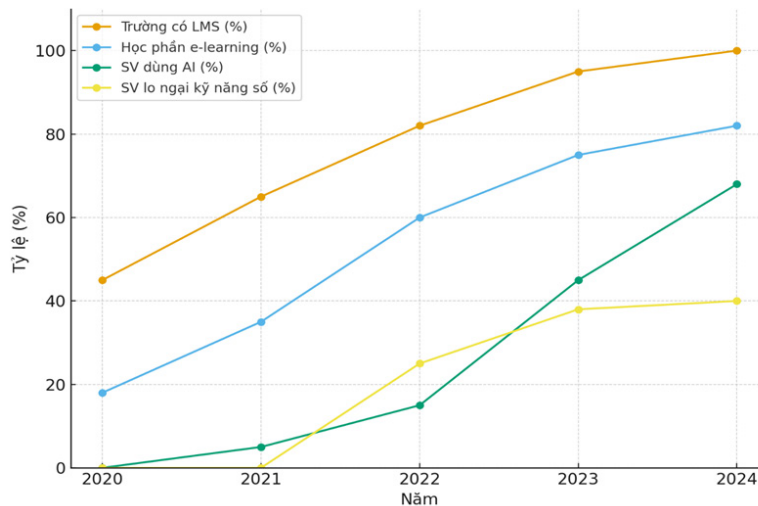
Từ đó có thể thấy, AI vừa mở rộng năng lực học tập, vừa tạo ra những thách thức sâu sắc về tâm lý. Đặt trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, việc nhận diện và cân bằng hai mặt tác động này là cơ sở quan trọng để đưa ra các giải pháp trong phần nghiên cứu tiếp theo.

2.2.2. Thực trạng ảnh hưởng của CDS và trí tuệ nhân tạo đến tâm lý học tập của SV đại học Việt Nam

** Thực trạng sử dụng CDS và AI trong giáo dục đại học Việt Nam*

Trong 5 năm qua, CDS trong giáo dục đại học Việt Nam đã đạt những bước tiến quan trọng. Nếu năm 2020 chỉ khoảng 45% trường đại học triển khai hệ thống quản lý học tập (LMS) và dưới 20% học phần có e-learning, thì đến năm 2023, tỷ lệ này đã tăng lên lần lượt 95% và 75%. Đến năm 2024, 100% trường đã có LMS và 82% học phần tích hợp e-learning, phản ánh sự phổ cập gần như toàn diện về hạ tầng công nghệ.

Song song với đó, sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo đã tạo ra bước ngoặt mới. Theo *Vietnam Report* (2024), tỷ lệ SV từng sử dụng AI cho học tập tăng nhanh từ 15% năm 2022 lên 45% năm 2023 và 68% năm 2024, chủ yếu qua các công cụ như ChatGPT, Gemini, Copilot. Tuy nhiên, báo cáo của UNESCO (2023) cho thấy khoảng 40% SV tại các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, bày tỏ lo ngại về thiếu kỹ năng số và sự thiếu hướng dẫn khi tiếp cận AI, dẫn đến tâm lý bất an, đặc biệt ở nhóm SV vùng nông thôn.



Biểu đồ 1: Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số và AI trong giáo dục đại học Việt Nam (2020–2024)

CDS trong giáo dục đại học Việt Nam diễn ra ổn định và toàn diện, trong khi ứng dụng AI lại mang tính “bùng nổ” chỉ trong vòng hai năm gần đây. Nếu LMS và e-learning phản ánh sự đầu tư hạ tầng có tính hệ thống, thì AI lại cho thấy sự chủ động và linh hoạt từ phía SV trong tìm kiếm công cụ học tập. Điểm đáng chú ý là cùng với sự tăng trưởng nhanh này, tỷ lệ SV lo ngại thiếu kỹ năng số cũng gia tăng, phản ánh sự “lệch pha” giữa tốc độ tiếp nhận công nghệ và khả năng thích ứng tâm lý. Điều này hàm ý rằng, bên cạnh mở rộng ứng dụng, các trường đại học cần chú trọng hơn đến đào tạo kỹ năng số và định hướng tâm lý cho SV, nhằm biến công nghệ thành động lực thay vì rào cản của học tập.

** Tác động tích cực đối với tâm lý học tập của sinh viên*

Ứng dụng CDS và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục đại học đã đem lại nhiều tác động tích cực đến tâm lý học tập của SV.

Trước hết, công nghệ góp phần nâng cao động cơ học tập. Theo Báo cáo Giáo dục đại học (Bộ GD&ĐT, 2023), hơn 72% SV được khảo sát cho biết họ cảm thấy hứng thú hơn khi tham gia học tập qua nền tảng số, nhờ sự linh hoạt về thời gian và không gian. Con số này tăng đáng kể so với giai đoạn 2020–2021, khi tỷ lệ SV đánh giá cao học trực tuyến chỉ khoảng 45%. Điều này chứng tỏ tâm lý tiếp nhận của SV đã thay đổi theo hướng tích cực sau thời gian dài thích ứng với CDS.

Thứ hai, AI giúp SV tăng cường sự tự tin trong học tập. Khảo sát của Vietnam Report (2024) trên 2.000 SV tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh cho thấy 62% SV khẳng định việc sử dụng ChatGPT, Gemini hay Copilot hỗ trợ họ “tự tin hơn” khi

nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị bài tập. Đặc biệt, 48% SV cho rằng AI giúp họ “giảm bớt căng thẳng” trong các kỳ thi, nhờ khả năng gợi ý tài liệu và lập kế hoạch ôn tập hiệu quả.

Thứ ba, công nghệ số và AI thúc đẩy kỹ năng tự học và kỹ năng số. Theo UNESCO (2023), SV tại các trường đại học ở Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, có xu hướng chủ động hơn trong tìm kiếm tri thức và sử dụng học liệu mở khi được hỗ trợ bởi AI. Điều này góp phần hình thành năng lực học tập suốt đời – một yêu cầu quan trọng của giáo dục đại học trong kỷ nguyên số.

Cuối cùng, CDS còn tạo ra tâm thế hội nhập quốc tế. Báo cáo của OECD (2022) chỉ ra rằng, hơn 50% SV đại học Việt Nam từng tham gia ít nhất một khóa học trực tuyến quốc tế (MOOC, Coursera, edX...), qua đó nâng cao sự tự tin khi trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ và hình thành khát vọng hội nhập.

Như vậy, số liệu cho thấy CDS và AI không chỉ nâng cao hiệu quả học tập, mà còn tạo động lực, sự tự tin và kỹ năng hội nhập quốc tế cho SV, góp phần hình thành một thế hệ người học chủ động, thích ứng tốt với kỷ nguyên số.

** Tác động tiêu cực và thách thức đối với tâm lý học tập của SV*

Quá trình CDS và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục đại học, bên cạnh những lợi ích, cũng đã làm nảy sinh nhiều vấn đề mới, tác động trực tiếp đến tâm lý học tập của SV.

Thứ nhất, tình trạng lệ thuộc vào công nghệ và suy giảm tư duy độc lập

Trước AI, SV gặp khó khăn vì thiếu công cụ, phải tự tìm kiếm và phân tích tài liệu. Sau AI, nhiều SV có xu hướng phó mặc cho máy móc.

Khảo sát của Viettimes (2024) cho thấy 78,9% SV sử dụng ChatGPT trong học tập, trong đó 40% thừa nhận “thường xuyên” nhờ AI viết bài thay vì tự nghiên cứu. Điều này tạo nguy cơ hình thành tâm lý ỷ lại, giảm khả năng phản biện.

Thứ hai, bất bình đẳng số và tâm lý tự hạp

Trước AI, khoảng cách số chủ yếu đến từ hạ tầng mạng. Sau AI, sự khác biệt lại chuyển sang kỹ năng số và mức độ tiếp cận. Theo Vietnam Report (2024), 68% SV ở các đô thị lớn thường xuyên dùng AI, trong khi ở nông thôn chỉ 35–40%. Điều này không chỉ tạo ra sự chênh lệch kết quả học tập mà còn làm sinh viên vùng khó khăn dễ mặc cảm, lo sợ bị bỏ lại phía sau.

Thứ ba, áp lực về đạo đức học thuật và chất lượng tri thức

Trước AI, gian lận chủ yếu ở mức sao chép tài liệu. Sau AI, công cụ sinh văn bản khiến hành vi gian lận tinh vi hơn và khó kiểm soát hơn. Báo cáo của Kinh tế & Dự báo (2024) cho thấy 58% SV tự nhận “chưa đủ hiểu biết để dùng AI đúng cách”, dẫn đến tâm lý lo ngại và căng thẳng khi đối diện nguy cơ vi phạm học thuật.

Thứ tư, nguyên nhân gốc rễ từ thiếu hụt khung pháp lý và hướng dẫn chính thức

Trong khi giai đoạn trước AI, các văn bản chủ yếu tập trung vào quản lý đào tạo trực tuyến, thì đến nay vẫn thiếu quy định toàn diện về sử dụng AI trong giảng dạy và học tập. Điều này khiến giảng viên và SV lúng túng trong việc xác định ranh giới giữa “sử dụng hợp lý” và “gian lận học thuật”.

Như vậy, có thể thấy rằng nếu như giai đoạn trước AI SV còn thiếu công cụ hỗ trợ thì nay họ lại đối diện với “nghịch lý công nghệ”, công cụ nhiều nhưng đi kèm áp lực mới, từ lệ thuộc, chênh lệch cơ hội, đến lo ngại về đạo đức và độ tin cậy. Đây là những thách thức cần được nhận diện rõ để xây dựng giải pháp cân bằng tâm lý học tập trong kỷ nguyên số.

2.2.3. Giải pháp tăng cường hiệu quả ứng dụng CDS và AI trong giáo dục đại học

Để phát huy tác động tích cực và khắc phục những hạn chế của CDS và trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học, cần triển khai đồng bộ các giải pháp vừa mang tính chiến lược, vừa khả thi trong thực tiễn.

Trước hết, việc hạn chế tình trạng lệ thuộc và khuyến khích phát triển tư duy độc lập là nhiệm vụ quan trọng. Các trường đại học cần chuyển từ cách đánh giá dựa trên sản phẩm cuối cùng sang chú trọng quá trình học tập và năng lực phân tích

của SV. Một hướng đi phù hợp là yêu cầu SV so sánh kết quả do AI gợi ý với nguồn tài liệu khoa học chính thống, từ đó hình thành thói quen phản biện. Đồng thời, các hình thức kiểm tra trực tiếp như thuyết trình, vấn đáp hoặc viết tay cần được tăng cường, giúp giảm tình trạng ỷ lại vào văn bản do AI tạo ra. Thực tế cho thấy, những mô hình kết hợp AI với học theo dự án (project-based learning) đã được thí điểm tại một số trường như Đại học Bách khoa Hà Nội, mang lại hiệu quả tích cực khi SV vừa tận dụng công nghệ vừa buộc phải tham gia nghiên cứu thực tiễn.

Bên cạnh đó, thu hẹp khoảng cách số và đảm bảo công bằng trong tiếp cận công nghệ cũng là giải pháp có tính cấp thiết. Nhà nước cần tiếp nối các chương trình như “Sóng và máy tính cho em”, đồng thời mở rộng chính sách hỗ trợ thiết bị và hạ tầng mạng tốc độ cao cho SV vùng khó khăn. Ở cấp cơ sở, các trường đại học nên đưa học phần “AI cơ bản trong học tập” vào chương trình bắt buộc năm nhất, giúp SV biết cách sử dụng công cụ như ChatGPT hay Copilot một cách hiệu quả và đúng chuẩn mực. Sự phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp công nghệ (FPT, Viettel, VNPT) sẽ góp phần tạo ra môi trường số đồng bộ, hạn chế chênh lệch vùng miền.

Một vấn đề khác cần giải quyết là củng cố đạo đức học thuật và nâng cao chất lượng tri thức. Trong bối cảnh AI làm mờ ranh giới giữa “học tập hợp pháp” và “gian lận học thuật”, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành bộ quy tắc ứng xử học thuật với AI, quy định rõ phạm vi được phép và yêu cầu SV phải trích dẫn khi sử dụng công cụ này. Các trường cũng cần tích hợp phần mềm kiểm tra đạo văn và phát hiện văn bản do AI tạo ra vào hệ thống quản lý học tập (LMS), đồng thời tổ chức các hội thảo định kỳ để SV được thảo luận, nhận diện và xử lý những tình huống học thuật thực tế.

Cuối cùng, khung pháp lý và cơ chế quản lý cần được hoàn thiện nhằm đảm bảo định hướng dài hạn. Nếu như giai đoạn trước AI, các văn bản pháp lý mới chỉ tập trung vào học trực tuyến, thì nay cần có thông tư riêng về ứng dụng AI trong giáo dục đại học, bao gồm quy chuẩn kiểm định chất lượng, cơ chế giám sát và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các trường đại học cũng cần quan tâm đến khía cạnh tâm lý, thông qua việc thành lập trung tâm tư vấn tâm lý số, triển khai chiến dịch “học tập số lành mạnh” và đưa kỹ năng văn hóa số thành một học phần kỹ năng mềm bắt buộc. Những biện pháp này sẽ giúp SV sử dụng AI một cách an toàn, cân bằng và bền vững.

Tóm lại, giải pháp cho giáo dục đại học trong bối cảnh AI không chỉ nằm ở việc đầu tư công nghệ, mà quan trọng hơn là xây dựng cơ chế quản lý, định hướng sử dụng đúng đắn và hỗ trợ tâm lý cho SV. Chỉ khi đó, AI mới thực sự trở thành động lực nâng cao chất lượng học tập, thay vì là nguồn gốc của những lo ngại và bất ổn tâm lý.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy, CDS và sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang tạo ra những tác động sâu rộng đến tâm lý học tập của SV Việt Nam. Ở khía cạnh tích cực, công nghệ số giúp nâng cao động cơ học tập, tăng cường sự tự tin, thúc đẩy kỹ năng tự học và mở rộng cơ hội hội nhập quốc tế. So với giai đoạn trước khi AI phổ biến, SV ngày nay đã chuyển từ tâm thế bị động sang chủ động hơn, coi công nghệ như một công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc tiếp cận tri thức. Tuy

nhiên, đi cùng với đó là hàng loạt thách thức mới: nguy cơ lệ thuộc, bất bình đẳng trong tiếp cận, lo ngại về đạo đức học thuật và thiếu hụt khung pháp lý điều chỉnh.

Từ những phân tích trên, bài báo đề xuất một số khuyến nghị. Thứ nhất, các cơ sở đào tạo cần định hình phương pháp giảng dạy mới, trong đó AI được sử dụng như công cụ hỗ trợ thay vì thay thế tư duy. Thứ hai, Nhà nước và doanh nghiệp cần phối hợp để đầu tư hạ tầng và phổ cập kỹ năng số, đảm bảo mọi SV đều có cơ hội tiếp cận công nghệ công bằng. Thứ ba, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm ban hành quy tắc ứng xử học thuật với AI và khung pháp lý quản lý công cụ số trong đào tạo, nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng. Thứ tư, các trường đại học cần tăng cường hỗ trợ tâm lý học đường, giúp SV đối diện với áp lực công nghệ và xây dựng tâm thế học tập lành mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Báo cáo Giáo dục đại học Việt Nam 2023*. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2024). *Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia 2024*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông Hà Nội.
3. Kinh tế & Dự báo. (2024). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các trường đại học tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế & Dự báo*, số 15, tr. 34–39.
4. OECD. (2022). *Education in the digital era: Global report*. OECD Publishing, Paris.
5. UNESCO. (2023). *AI and education: Guidance for policymakers*. UNESCO Publishing, Paris.
6. Vietnam Report. (2024). Khảo sát sinh viên Việt Nam về ứng dụng AI trong học tập. Vietnam Report, Hà Nội.
7. Viettimes. (2024, 12/5). Người dùng phổ thông tại Việt Nam đang tận dụng sức mạnh của AI như thế nào? *Báo Viettimes*. Truy cập từ <https://viettimes.vn>
8. Tạp chí Giáo dục. (2024). Khảo sát việc sử dụng AI của sinh viên tại một trường đại học kỹ thuật. *Tạp chí Giáo dục*, số 225, tr. 45–50.